

TỔNG CÔNG TY DUNG DỊCH KHOAN
VÀ HÓA PHẨM DẦU KHÍ-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM
DẦU KHÍ DMC-MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 332 /DMCN - TCKT

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2018

V/v giải trình biến động

lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC – miền Bắc (mã chứng khoán PCN) xin giải trình biến động lợi nhuận sau thuế soát xét 6 tháng đầu năm 2018 bị lỗ và chuyển từ lỗ cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2017 sang lỗ ở kỳ này là do các nguyên nhân sau :

- Do nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm của các khách hàng trong ngành dầu khí giảm mạnh, Công ty sản xuất sản phẩm cầm chừng nên bị lỗ các chi phí cố định (khấu hao TSCĐ, tiền thuê đất, lương, bảo hiểm xã hội ...).
- Do lượng hàng tồn kho tiêu thụ rất chậm nên Công ty phải tiếp tục trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dẫn đến tăng chi phí giá vốn.

Trân trọng cảm ơn !

Nơi nhận :

- Như trên
- Lưu VT, TCKT

Ước

GIÁM ĐỐC



Lưu Quốc Phương

Số: 331 /DMCN-TCHC
V/v Công bố thông tin

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc
2. Mã chứng khoán: PCN
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Tê Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại: (04) 38271483 Fax: (04) 38780902
5. Người thực hiện công bố thông tin: Người đại diện theo pháp luật của Công ty là: Ông Lưu Quốc Phương – Giám đốc Công ty.
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2018 của Công ty cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC-Miền Bắc được lập ngày 09/8/2018, bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Công văn giải trình biến động lợi nhuận 6 tháng năm 2018.
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính www.pvdmcn.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

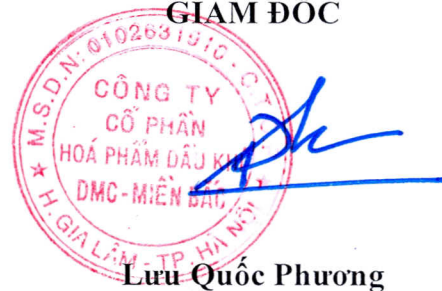
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- www.pvdmcn.com.vn
- “Quan hệ cổ đông”;
- Lưu: VT.

Điền

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC**


Lưu Quốc Phương

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC –
MIỀN BẮC**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA
NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2018**



CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 20

TRÁCH MIỆ
DQ
V
ÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC

Thôn Tế Xuyên, xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đức Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Khắc Ngự	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên
Bà Lương Nguyễn Minh Phượng	Thành viên (Đã nghỉ hưu từ ngày 30 tháng 4 năm 2018)

Ban Giám đốc

Ông Trần Khắc Ngự	Giám đốc
Ông Lê Văn Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,


Trần Khắc Ngự

Số: 245 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Hóa phẩm dầu khí DMC - Miền Bắc**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 8 năm 2018, từ trang 04 đến trang 20 bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ, mặc dù tài sản ngắn hạn của Công ty cao hơn nợ ngắn hạn, Công ty có lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2018. Yếu tố nêu trên có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Đánh giá của Ban Giám đốc về vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này.

Kết luận của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 13 tháng 8 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

10-
TY
H
TE
M
HA

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		23.457.664.694	28.498.961.849
I. Tiền	110	4	3.753.226.377	1.166.944.902
1. Tiền	111		3.753.226.377	1.166.944.902
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.766.288.479	3.988.965.062
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	8.035.112.645	5.605.122.011
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		163.234.300	255.844.805
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		879.669.415	422.544.084
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(2.311.727.881)	(2.294.545.838)
III. Hàng tồn kho	140	7	12.684.685.249	23.060.757.631
1. Hàng tồn kho	141		13.516.314.052	24.216.578.150
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(831.628.803)	(1.155.820.519)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		253.464.589	282.294.254
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		122.711.576	170.420.640
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	10	130.753.013	111.873.614
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.757.151.006	3.257.106.930
I. Tài sản cố định	220		2.519.241.895	3.019.197.819
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	2.501.991.912	2.990.447.834
- Nguyên giá	222		36.940.667.024	36.940.667.024
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.438.675.112)	(33.950.219.190)
2. Tài sản cố định vô hình	227		17.249.983	28.749.985
- Nguyên giá	228		148.984.800	148.984.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(131.734.817)	(120.234.815)
II. Tài sản dài hạn khác	260		237.909.111	237.909.111
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		237.909.111	237.909.111
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		26.214.815.700	31.756.068.779

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)


Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.170.927.003	4.254.296.147
I. Nợ ngắn hạn	310		4.170.927.003	4.254.296.147
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	1.219.232.743	1.790.478.158
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		140.521.572	160.791.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	10	549.552.915	74.183.462
4. Phải trả người lao động	314		15.411.677	253.136.314
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	1.543.002.580	1.839.334.554
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		72.087.771	134.398.279
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	12	629.643.365	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.474.380	1.974.380
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.043.888.697	27.501.772.632
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	22.043.888.697	27.501.772.632
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		39.245.500.000	39.245.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		39.245.500.000	39.245.500.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.502.539.510	1.502.539.510
3. (Lỗ) lũy kế	421		(18.704.150.813)	(13.246.266.878)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(13.246.266.878)	(3.286.700.170)
- (Lỗ) kỳ này	421b		(5.457.883.935)	(9.959.566.708)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		26.214.815.700	31.756.068.779


Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 8 năm 2018


Lê Thị Việt Hà
Kế toán trưởng


Trần Khắc Ngự
Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	17.885.779.548	18.887.084.320
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	-	50.201.817
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	17.885.779.548	18.836.882.503
4. Giá vốn hàng bán	11	16	17.262.079.799	19.288.166.130
5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		623.699.749	(451.283.627)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		10.443.569	17.223.179
7. Chi phí tài chính	22		525.117	55.557.739
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	38.771.121
8. Chi phí bán hàng	25	18	1.827.699.468	2.282.811.355
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	18	4.257.002.668	2.300.925.413
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(5.451.083.935)	(5.073.354.955)
11. Thu nhập khác	31		-	215.000.000
12. Chi phí khác	32		6.800.000	141.378.000
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(6.800.000)	73.622.000
14. Tổng (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(5.457.883.935)	(4.999.732.955)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	19	-	-
16. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(5.457.883.935)	(4.999.732.955)
17. (Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	20	(1.391)	(1.274)


Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 8 năm 2018


Lê Thị Việt Hà
Kế toán trưởng




Trần Khắc Ngự
Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lỗ trước thuế	01	(5.457.883.935)	(4.999.732.955)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	499.955.924	846.356.288
Các khoản dự phòng	03	322.633.692	(198.734.479)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.443.569)	(210.000.000)
Chi phí lãi vay	06	-	38.771.121
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(4.645.737.888)	(4.523.340.025)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(2.813.384.859)	(41.990.991)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	10.700.264.098	533.548.770
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(712.512.509)	847.176.463
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	47.709.064	(100.671.517)
Tiền lãi vay đã trả	14	-	(38.771.121)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(500.000)	(3.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.575.837.906	(3.327.848.421)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	210.000.000
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.443.569	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.443.569	210.000.000
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	2.015.071.750
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(4.055.112.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(2.040.041.100)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	2.586.281.475	(5.157.889.521)
Tiền đầu kỳ	60	1.166.944.902	6.256.800.471
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	3.753.226.377	1.098.910.950


 Nguyễn Thị Thông
 Người lập biểu


 Lê Thị Việt Hà
 Kế toán trưởng


 Trần Khắc Ngự
 Giám đốc

Ngày 09 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc, được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là PCN.

Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Đăng ký thay đổi lần 06 ngày 06 tháng 6 năm 2011 đối với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Bắc số 0102631910 ngày 24 tháng 01 năm 2008 với số vốn điều lệ là 40.000.000.000 VND, tương đương 4.000.000 cổ phiếu. Trong đó:

- Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP nắm giữ 3.324.500 cổ phần, tương ứng với 33.245.000.000 VND, chiếm 84,71% vốn điều lệ.
- Các cổ đông khác nắm giữ 600.050 cổ phần, tương ứng với 6.000.500.000 VND, chiếm 15,29% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 80 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 158).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác;
- Bán buôn dầu mỏ, dầu thô chưa tinh chế;
- Bán buôn dầu nhờn, mỡ nhờn, các sản phẩm dầu mỏ đã tinh chế khác;
- Bán buôn phân bón, bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn cao su; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: hạt nhựa Polyetylen và các sản phẩm có liên quan;
- Khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản (Trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất mua bán hóa chất;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập trên cơ sở giả định Công ty tiếp tục hoạt động liên tục. Mặc dù tài sản ngắn hạn của Công ty cao hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 19.286.737.691 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cao hơn với số tiền là 24.244.665.702 VND), tuy nhiên Công ty có lỗ lũy kế đến ngày 30 tháng 6 năm 2018 với số tiền là 18.704.150.813 VND (lỗ lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 13.246.266.878 VND), số lượng nhân viên từ 160 người giảm còn 80 người. Các yếu tố nêu trên có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Ban Giám đốc đã đánh giá một cách thận trọng kế hoạch kinh doanh trong 12 tháng tới, khả năng thu hồi công nợ cũng như các hỗ trợ từ Công ty mẹ. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày trên cơ sở hoạt động liên tục là phù hợp.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn, và các khoản đầu tư ngắn hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, công cụ dụng cụ và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp kế toán hàng tồn kho được Công ty áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Kỳ này</u> <u>(Năm)</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 12
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 8

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, các chi phí trả trước khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính giữa niên độ và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể mang sang để bù trừ với lợi nhuận của các kỳ tiếp theo. Không có khoản tài sản thuế hoãn lại nào được ghi nhận do Công ty không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	121.378.681	117.017.623
Tiền gửi ngân hàng	3.631.847.696	1.049.927.279
	3.753.226.377	1.166.944.902

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.493.268.166	5.605.122.011
Công ty Cổ phần Thạch Anh Việt Nam	913.599.602	335.517.308
Các khách hàng khác	5.579.668.564	5.269.604.703
b. Phải thu các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)	1.541.844.479	-
	8.035.112.645	5.605.122.011

6. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị có thể		Giá trị có thể	
	Giá gốc VND	thu hồi VND	Giá gốc VND	thu hồi VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	2.316.860.381	5.132.500	2.294.545.838	-
Công ty Cổ phần Cầu 14 (quá hạn trên 3 năm)	234.310.000	-	234.310.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Sản xuất An Phát (quá hạn trên 3 năm)	388.580.000	-	388.580.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 12 Thăng Long (quá hạn trên 3 năm)	316.800.000	-	316.800.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Quang Trung (quá hạn trên 3 năm)	284.408.948	-	284.408.948	-
Các đối tượng khác (Quá hạn trên 1 năm và dưới 2 năm)	1.092.761.433	5.132.500	1.070.446.890	-

Giá trị có thể thu hồi được Công ty tính toán dựa trên cơ sở giá gốc khoản nợ xấu trừ đi dự phòng đã trích lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.871.814.478	-	3.013.058.649	-
Công cụ, dụng cụ	2.376.987.937	-	2.427.351.800	-
Thành phẩm	7.495.675.149	(759.668.128)	13.368.314.931	(820.441.628)
Hàng hóa	771.836.488	(71.960.675)	5.407.852.770	(335.378.891)
Cộng	13.516.314.052	(831.628.803)	24.216.578.150	(1.155.820.519)

Trong kỳ, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 324.191.716 VND (6 tháng đầu năm 2017 đã hoàn nhập dự phòng: 200.319.234 VND) chủ yếu là do đã bán được các hàng tồn kho đã trích lập dự phòng từ năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	21.862.147.125	7.189.021.728	6.635.864.307	1.253.633.864	36.940.667.024
Số dư cuối kỳ	21.862.147.125	7.189.021.728	6.635.864.307	1.253.633.864	36.940.667.024
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	21.046.360.631	7.189.021.728	4.984.640.689	730.196.142	33.950.219.190
Trích khấu hao trong năm	227.839.904	-	53.213.502	207.402.516	488.455.922
Số dư cuối kỳ	21.274.200.535	7.189.021.728	5.037.854.191	937.598.658	34.438.675.112
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	815.786.494	-	1.651.223.618	523.437.722	2.990.447.834
Tại ngày cuối kỳ	587.946.590	-	1.598.010.116	316.035.206	2.501.991.912

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 27.692.802.428 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 20.684.200.991 VND).

9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Khai thác Barite Bắc Kạn	499.328.354	499.328.354	677.066.454	677.066.454
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	242.000.000	242.000.000	404.250.000	404.250.000
Các đối tượng khác	477.904.389	477.904.389	709.161.704	709.161.704
	1.219.232.743	1.219.232.743	1.790.478.158	1.790.478.158
Trong đó: Phải trả các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)	242.000.000	242.000.000	406.225.000	406.225.000

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ VND	Phát sinh trong kỳ		Số dư cuối kỳ VND
		Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	
Thuế				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	69.865.467	863.902.430	385.845.162	547.922.735
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(111.873.614)	-	-	(111.873.614)
Thuế thu nhập cá nhân	4.223.135	5.286.896	8.036.631	1.473.400
Thuế tài nguyên	94.860	798.320	736.400	156.780
Thuế nhà đất	-	197.511.722	216.391.121	(18.879.399)
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	(37.690.152)	1.070.499.368	614.009.314	418.799.902
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	74.183.462			549.552.915
- Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	111.873.614			130.753.013

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Trích trước tiền thuê đất phải nộp cho kì năm 2011 đến 2013	917.706.900	917.706.900
Chi phí vận chuyển, bốc xếp tạm tính	503.305.680	497.905.154
Chi phí phải trả khác	121.990.000	423.722.500
	1.543.002.580	1.839.334.554

12. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>Dự phòng trợ cấp mất việc làm</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư đầu kỳ	-	-
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	2.130.724.799	2.130.724.799
Các khoản dự phòng đã sử dụng	(1.501.081.434)	(1.501.080.706)
Số dư cuối kỳ	629.643.365	629.644.093

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp</u>	<u>Quỹ đầu tư</u>		
	<u>của chủ sở hữu</u>	<u>phát triển</u>	<u>(Lỗ) lũy kế</u>	<u>Cộng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>				
Số dư đầu kỳ trước	39.245.500.000	1.502.539.510	(3.286.700.170)	37.461.339.340
(Lỗ) trong kỳ	-	-	(4.999.732.955)	(4.999.732.955)
Số dư cuối kỳ trước	39.245.500.000	1.502.539.510	(8.286.433.125)	32.461.606.385

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Số dư đầu kỳ này	39.245.500.000	1.502.539.510	(13.246.266.878)	27.501.772.632
(Lỗ) trong kỳ	-	-	(5.457.883.935)	(5.457.883.935)
Số dư cuối kỳ này	39.245.500.000	1.502.539.510	(18.704.150.813)	22.043.888.697

	<u>Theo Giấy chứng nhận</u>		<u>Vốn đã góp</u>	
	<u>Đăng ký Kinh doanh</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	84,71	33.884.000.000	33.245.000.000	33.245.000.000
Các cổ đông khác	15,29	6.116.000.000	6.000.500.000	6.000.500.000
	100	40.000.000.000	39.245.500.000	39.245.500.000

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (sửa đổi), tổng số vốn điều lệ của Công ty là 40 tỷ VND tương đương với 4.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận</u>		<u>Vốn đã góp</u>	
	<u>Đăng ký Kinh doanh</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
	<u>%</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	84,71	33.884.000.000	33.245.000.000	33.245.000.000
Các cổ đông khác	15,29	6.116.000.000	6.000.500.000	6.000.500.000
	100	40.000.000.000	39.245.500.000	39.245.500.000

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh nhiên liệu rắn, lỏng, khí, than đá, dầu mỏ, dầu thô, dầu nhờn, phân bón, tơ, xơ, sợi dệt, cao su, chất dẻo dạng nguyên sinh và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong công nghiệp, các loại hình kinh doanh dịch vụ khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong hoạt động của Công ty. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh nói trên.

Công ty chỉ kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam do vậy không có bộ phận theo khu vực địa lý nào khác ngoài Việt Nam.

15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.885.779.548	18.887.084.320
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	16.759.588.935	18.259.206.015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.126.190.613	627.878.305
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	50.201.817
Giảm giá hàng bán	-	50.201.817
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.885.779.548	18.836.882.503
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 21)	4.679.232.000	2.798.248.934

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	17.381.858.204	19.089.890.050
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	204.413.311	198.276.080
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(324.191.716)	-
	17.262.079.799	19.288.166.130

17. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.590.743.130	6.465.847.099
Chi phí nhân công	5.952.965.842	5.306.601.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	499.955.924	846.356.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.352.355.651	1.849.399.703
Chi phí khác bằng tiền	606.655.433	621.443.475
	12.002.675.980	15.089.648.033

18. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	1.354.092.956	1.495.577.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài bằng tiền	432.899.687	502.043.571
Chi phí trợ cấp mất việc làm	2.130.724.799	-
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	339.285.226	303.304.440
	4.257.002.668	2.300.925.413
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	376.776.505	932.730.131
Cước vận chuyển, bốc xếp hàng hóa	1.129.604.286	1.103.409.254
Các khoản chi phí bán hàng khác	321.318.677	246.671.970
	1.827.699.468	2.282.811.355

19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
(Lỗ) kế toán trước thuế	(5.457.883.935)	(4.999.732.955)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	-
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	-

20. (LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(5.457.883.935)	(4.999.732.955)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
(Lỗ) để tính lỗ cơ bản trên cổ phiếu (VND)	(5.457.883.935)	(4.999.732.955)
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	3.924.550	3.924.550
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(1.391)	(1.274)

21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	Cùng Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	Cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	4.679.232.000	2.798.248.934
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	4.679.232.000	2.798.248.934
Mua hàng hóa, dịch vụ	622.500.000	9.131.710.936
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	9.131.710.936
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP	35.000.000	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	587.500.000	-

Công ty có số dư chủ yếu tại ngày kết thúc kỳ hoạt động với các bên liên quan như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu về bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.541.844.479	-
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu khí - CTCP	1.541.844.479	-
Phải thu khác	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	100.000.000
Trả trước cho người bán	-	86.010.505
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc	-	86.010.505
Các khoản phải trả	242.000.000	406.225.000
Tổng Công ty Dung dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu khí - CTCP	-	1.975.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC - Miền Nam	242.000.000	404.250.000

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA PHẨM DẦU KHÍ DMC - MIỀN BẮC
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Thu nhập của Ban giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	929.186.090	567.673.063



Nguyễn Thị Thông
Người lập biểu

Ngày 09 tháng 8 năm 2018



Lê Thị Việt Hà
Kế toán trưởng



Trần Khắc Ngự
Giám đốc